



結核検診補助質問

Câu hỏi hỗ trợ về kiểm tra bệnh lao

学校名 Tên trường học	年 組 Lớp Nhóm		
児童生徒氏名 Họ và tên của học sinh	生年月日 Ngày sinh	年 月 日生 Sinh Năm Tháng Ngày	
住所 Địa chỉ	保護者名 Họ và tên của phụ huynh		

下の(1)～(3)で○のついた項目の「確認する内容」に記入をお願いします。

Xin vui lòng điền vào "Nội dung cần xác nhận" của các hạng mục được khoanh tròn trong (1)～(3) dưới đây.

(1) 質問1または質問2で「はい」と記載があった場合

Trong trường hợp "Rồi" cho Câu hỏi 1 hoặc Câu hỏi 2

質問1 Câu hỏi 1	このお子様は、今まで（この2年間）に結核性の病気にかかったことがありますか？ Học sinh đã từng bị bệnh lao trong 2 năm qua chưa? (例, 肺結核, 胸膜炎又はろく膜炎, 頸部リンパ節結核) (Ví dụ: Bệnh lao phổi, viêm màng phổi, lao hạch bạch huyết cổ)
質問2 Câu hỏi 2	このお子様は、今まで（この1年間）に結核に感染を受けたとして、予防のお薬を飲んだことがありますか？ Học sinh đã từng bị chẩn đoán mắc bệnh lao và phải uống thuốc phòng bệnh trong vòng 1 năm qua chưa?

確認する内容

Nội dung cần xác nhận

1	保健所や医療機関で最後に胸部レントゲン写真をとったのはいつですか？ Học sinh đã được chụp X-quang ngực tại trung tâm y tế hay cơ sở y tế lần cuối cùng là bao giờ? 年 月頃 Năm tháng
2	その結果はどうでしたか？ 問題なかった その他 () Kết quả như thế nào? Không vấn đề gì Khác
3	今後保健所や医療機関で検査の予定はありますか？ Sau này có dự định đưa học sinh đến kiểm tra tại trung tâm y tế hay cơ sở y tế không? ある ない Có Không
4	あると答えた方 それはいつですか？ 年 月頃 Đối với những quý vị đã trả lời "Có", khi nào? Năm tháng

(2) 質問3で「はい」と記載があった場合

Trong trường hợp "Có" cho Câu hỏi 3

質問3 Câu hỏi 3	このお子様が生まれてから（この2年間に）、家族や同居人で結核にかかった人がいますか？ Có ai bị bệnh lao trong gia đình hay người cùng nhà kể từ khi sinh con ra (trong 2 năm qua) không?
------------------	--

確認する内容

Nội dung cần xác nhận

1	その時、結核にかかった方と接触があったとして、保健所や医療機関から検診をすすめられましたか？ Vào thời điểm đó, có được khuyên nên đi khám đến trung tâm hay cơ sở y tế vì đã tiếp xúc với người bị bệnh lao không? はい いいえ (例: 年1回しか会わないので検診はいらないと言われた) Có Không (Ví dụ: Vì chỉ gặp mỗi năm 1 lần nên bác sĩ nói là không cần đi khám.) ※いいえと回答した方は、ここで補助質問は終了です。 Nếu quý vị trả lời “Không” thì không cần trả lời các câu hỏi (2~5) nữa.
2	最後に検査 (ツベルクリン反応検査または胸部レントゲン検査) を受けたのはいつ頃ですか？ Học sinh đã được kiểm tra (xét nghiệm phản ứng lao tố hay kiểm tra X-quang ngực) lần cuối cùng là bao giờ? 年 月頃 Năm tháng
3	その結果はどうでしたか？ 問題なかった その他 () Kết quả như thế nào? Không vấn đề gì Khác
4	今後保健所や医療機関で検査の予定はありますか？ Sau này có dự định đưa học sinh đến kiểm tra tại trung tâm y tế hay cơ sở y tế không? ある ない Có Không
5	あると答えた方 それはいつですか？ 年 月頃 Nếu trả lời “Có”, khi nào? Năm tháng

(3) 質問4で「はい」と記載があった場合

Trong trường hợp "Rồi" cho Câu hỏi 4

質問4 Câu hỏi 4	このお子様は、過去3年以内に通算して半年以上、外国に住んでいたことがありますか？(高まん延国居住の場合) Học sinh đã từng sống ở nước ngoài hơn nửa năm trong vòng 3 năm qua bao giờ chưa? (Trong trường hợp đã sống ở nước dễ bị nhiễm bệnh lao)
------------------	--

確認する内容

Nội dung cần xác nhận

1	どちらの国にどのくらいの期間、滞在しましたか？ Con quý vị đã từng lưu trú ở nước nào và bao lâu? 国名 () 期間 年 月 日 ~ 年 月 日 Tên quốc gia Thời gian Năm tháng ngày ~ Năm tháng ngày
2	日本に帰国あるいは住み始めてからこれまでに、ツベルクリン反応検査または胸部レントゲン検査を受けましたか？ Từ khi học sinh trở về hay bắt đầu sống ở Nhật Bản đến nay, học sinh đã được xét nghiệm phản ứng lao tố hay kiểm tra X-quang ngực bao giờ chưa? はい 年 月頃 いいえ Rồi Năm tháng Chưa
3	その結果はどうでしたか？ 問題なかった その他 () Kết quả như thế nào? Không vấn đề gì Khác

